

Ba Tri, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Số: 58/2020/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn V Lớn

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 643/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1999. (có mặt)

Địa chỉ: ấp M xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Lâm Hoàng V (N), sinh năm 1993. (có mặt)

HKTT: ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Nghệ A – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Hoàng V kết hôn vào tháng 11/2017, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới vợ chồng sống chung cùng cha mẹ chồng tại ấp C, xã M, huyện Ba Tri; anh V ở nhà làm nầm, chị chăm sóc con và làm nội trợ. Vợ chồng chung sống đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V

say rượu rồi chửi chị ở nhà không làm ra tiền nên từ tháng 9/2019 chị về nhà mẹ ruột ở, 1 tuần sau thì đi làm ở Tp. HCM, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng chị gia đình hai bên đều biết nhưng không có ý kiến mà để vợ chồng tự giải quyết. Chị nhận thấy hôn nhân của chị và anh V không còn hạnh phúc, chị không thể chung sống với anh V được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh V có 01 con chung tên Lâm Hùng P, sinh ngày 22/5/2018. Khi chị về nhà mẹ ruột có đưa con theo, con sống với chị được khoảng 10 ngày thì anh V đến rước con về chơi nhưng sau đó anh V không giao con lại cho chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Từ lúc vợ chồng sống ly thân là chị đi làm ở Tp. HCM, công việc là làm công nhân may thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, nếu chị được nuôi con thì chị sẽ gửi con cho mẹ chị chăm sóc, hiện nay mẹ chị ở nhà nội trợ và đưa rước em chị đi học.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Lâm Hoàng V (N) trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng T cưới nhau vào tháng 11/2017, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G năm 2017, hôn nhân là do đôi bên tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ anh, công việc của anh là làm nấm tại nhà và mua bán, còn chị T ở nhà lo cơm nước, chăm sóc con, cuộc sống vợ chồng vui vẻ, hòa thuận. Nhưng do chị T thường xuyên chăm chú vào điện thoại, không lo cơm nước và chăm sóc con đàn ông nên thỉnh thoảng anh có trách mắng chị T; anh có nhờ mẹ anh đóng góp với chị T nhưng chị T không nghe, không giảm thời gian sử dụng điện thoại mà có khi bỏ không nấu cơm. Đến tháng 9/2019 thì anh có trách mắng chị T về việc chị T nghiện điện thoại nhưng chị T không nói gì mà bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Khoảng 1 tháng sau anh gọi điện thoại kêu về nhưng T không chịu về. Chị T cho rằng anh say rượu chửi mắng chị T không làm ra tiền là hoàn toàn không đúng. Nay chị T đã kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Lâm Hùng P, sinh ngày 22/5/2018. Lúc chị T đi có mang con theo được 5 ngày thì anh đón con về nuôi đến nay, từ đó đến nay chị T không hỏi thăm cũng không đến thăm con. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay công việc của anh là làm nấm và bán nấm tại nhà, thu nhập ổn định khoảng 7.000.000 đồng/tháng, do anh là con út sống chung với cha mẹ, cha mẹ anh cũng làm nấm ở nhà nên sẽ hỗ trợ anh Vrong việc chăm sóc con.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- *Chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:* Chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lâm Hoàng V. Về con chung chị đồng ý để anh V tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lâm Hùng P. Về tài sản chung không có. Về nợ chung không có.

- *Anh Lâm Hoàng V trình bày:* Anh đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lâm Hùng P và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không có. Về nợ chung không có.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:* tại phiên tòa chị T và anh V thuận tình ly hôn. Về con chung chị T đồng ý để anh V tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lâm Hùng P, sinh ngày 22/5/2018, anh V tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung hai bên thống nhất là không có. Do chị T và anh V đã thỏa thuận được toàn bộ các vấn đề trong vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh V.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử.

- Về nội dung: nhận thấy tại phiên tòa, chị T và anh V thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau toàn bộ các vấn đề của vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

Từ các lời trình bày trên;

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa sơ thẩm.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Lâm Hoàng V đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 213, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Lâm Hoàng V (N). Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 27/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Về con chung: anh Lâm Hoàng V có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lâm Hùng P, sinh ngày 22/5/2018. Ghi nhận anh Lâm Hoàng V tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3 Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Hồng T đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008664 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã T (Giồng Trôm – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Nhi